

# LUẬN TẬP ĐẠI THỪA TƯỚNG

## QUYỂN HẠ

Lại nữa, gọi là Thánh đế tức chỉ cho bốn đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Trong đó, khổ thánh đế là uẩn... và các tướng điên đảo... bản chất nó là trái với pháp Thánh. Tập thánh đế như đã nói về khổ, do các phiền não nghiệp tập của vô minh hành làm duyên cùng các khổ của sanh... mà làm tánh nhân. Diệt thánh đế là đối với hết thấy pháp như thật không phân biệt. Lấy tướng vô sanh làm tánh. Thế gian si ám được đối trị diệt như đã chứng. Đạo thánh đế là các pháp hướng đến Bồ-đề, từ tâm... và pháp niệm xứ. Tổng lược thấu nhiếp nên Thánh đế này đối với hết thấy pháp bình đẳng làm sở duyên. Như thế là lược nói về bốn Thánh đế. Nói về Tĩnh lực là bốn Tĩnh lực: Ly sanh hỷ lạc gọi là Sơ tĩnh lực, Định sanh hỷ lạc gọi là đệ nhị tĩnh lực, Ly hỷ diệu lạc gọi là đệ tam tĩnh lực, Xả niệm thanh tịnh gọi là đệ bốn tĩnh lực. Bốn tĩnh lực như thế đều là tướng tịch chỉ. Tâm tham của dục giới... chẳng lưu động nên gọi là tĩnh lực. Nhưng các Bồ-tát cũng chẳng mê muội đắm trước các an lạc của tĩnh lực, cuối cùng chẳng rời chúng sanh, tròn đầy quả Bồ-đề đạo pháp. Thành tựu vô lượng hạnh. Như thế là lược nói về bốn tĩnh lực. Nói về vô lượng hạnh là chỉ cho bốn vô lượng hạnh: Từ, Bi, Hỷ, Xả. Bốn hạnh này đều duyên với vô lượng chúng sanh làm cảnh giới. Trong đó Từ vô lượng hạnh là đem tất cả các điều lợi lạc đến cho hết thấy chúng sanh. Tu các công hạnh mà không chấp vào tướng, xa lìa điên đảo thuận theo đạo Bồ-tát. Bi vô lượng hạnh là làm cho chúng sanh không còn một nỗi khổ nào cả. Tánh của tâm bi này có thể đối trị các não hại không cho sanh khởi. Hỷ vô lượng hạnh là thể chứng hết thấy các pháp vô ngã bình đẳng. Thực hành hạnh bố thí... thì khéo trụ vào tâm Bồ-đề, rộng vì lợi lạc cho hết thấy chúng sanh. Phương tiện tu hành là nơi phát sanh ra hỷ lạc làm tướng hỷ thọ. Xả vô lượng hạnh là ở trong ba cõi phân biệt bình đẳng thực hành hạnh rộng lớn để cứu giúp



chúng sanh; đối với thiên định an lạc tự mình đã chứng không mê muội chấp trước vào đó. Đây có thể đối trị lại lỗi lầm phóng dật, tâm an trụ vào thật tướng. Như phải điều phục được tất cả tâm chấp tướng... của thế gian để có thể an trụ trong tĩnh lực, đối với các sắc tướng thì đối trị bởi thật pháp. Lại ở trong vô lượng pháp môn được các pháp bình đẳng. An trụ trong pháp vô ngã như lý mà thật chứng. Đạt được hết thấy bình đẳng pháp lạc. Đây gọi là sở đắc tự tại tối thắng vậy, như thế là lược nói về bốn vô lượng hạnh.

Nói về đẳng chí của cõi Vô sắc có bốn: Không vô biên xứ cho đến Phi tướng Phi phi tướng xứ. Trong đây định không vô biên xứ là lia tất cả tướng sắc đối ngại. Quán vô biên không làm tương ưng, lia các tướng hữu, tâm trụ vào một cảnh. Lại Thức vô biên xứ định, Vô sở hữu xứ định, Phi tướng Phi phi tướng xứ định. Các định như vậy đều gọi là hạnh tịch tĩnh như định đầu tương ưng. Quán tướng vô tham làm sở duyên, ngoài ra còn quán sát vô trước, vô ngại, và khởi sanh các vô tướng tối thượng.

Nói về giải thoát tức là tám giải thoát. Là trong có sắc quán sắc ở ngoài mà giải thoát cho đến diệt thọ tướng giải thoát. Trong đây, giải thoát đầu tiên là trong có tướng sắc lia tham sắc ở ngoài. Gọi là trong có sắc quán sắc bên ngoài mà giải thoát. Lại tiếp như hành tướng bên trong không có sắc tướng lia tham sắc bên ngoài, đây gọi là nội vô sắc quán ngoại sắc giải thoát. Lại tiếp đối với sắc... an trụ trong hạnh vô tham thanh tịnh, gọi là tịnh giải thoát. Lại nữa, Không vô biên xứ giải thoát, Thức vô biên xứ giải thoát, Vô sở hữu xứ giải thoát, Phi tướng phi phi tướng xứ giải thoát. Bốn giải thoát vô sắc xứ như thế đều như hành tướng của chúng mà trụ vào như thật tướng quán. Lại tiếp hành tướng giải thoát của diệt thọ tướng, nên biết như thế là lược nói về tám giải thoát.

Nói về Tam-ma-bát-đề thực hành trước tên, tức là nếu muốn trụ vào Tam-ma-bát-đề của Không vô biên xứ kia..., trước phải diệt các hành tướng, trụ vào tự tánh các pháp bình đẳng tịch tĩnh rồi sau mới an trụ vào Tam-ma-bát-đề, đây gọi là thực hành trước. Lại nên biết. Bốn định vô sắc này cùng với diệt tận định mà các Bồ-tát ở nơi địa vị Mạo-lí-nhạ đa nhập sư tử du hý Tam-ma-địa, hiện ở trước mà quán, không bị gián đoạn, trái lại với tâm ở Tam-ma-sát-địa, cũng không bị gián đoạn bởi sơ tĩnh lực v.v... Diệt tận tịnh này là vô động tướng. Trong đó, các Tam-ma-bát-đề, sao lại theo thứ lớp như thế? “Nghĩa là để thành tựu chúng sanh, như phải được quán thứ lớp như thế. Lại nữa nên biết rằng

đây chính là các pháp môn đem lại niềm vui tối thượng, đạt được an lạc này thì biết được ngã không thật. Ngã mà không thật nên tự tâm vắng lặng, các tu tập thần thông Ba-la-mật vốn thích ứng đều là các thắng tuệ đã quán như thật mà sanh khởi. Đây là lược nói tướng của hết thấy pháp.

Nói về giải thoát môn tức là ba giải thoát môn: Không, vô tướng, vô nguyện. Trong đây không giải thoát môn có nghĩa là hoặc là nhân hoặc là pháp các sự việc của uẩn... lìa tướng phân biệt, mà các uẩn kia hoặc nhiễm, hoặc tịnh ở trong phân biệt hoàn toàn không có tánh. Ở trong pháp không lìa tướng thủ xả, dùng trí vô nhiễm như thật để đối trị. Vô tướng giải thoát môn, ở nơi uẩn... rốt ráo không có tướng. Do vô tướng nên chấp thủ không thể được, trí vô nhiễm kia như thật mà đối trị không nhiễm trước vào các tướng.

Vô nguyện giải thoát môn là đối với tất cả các giải thoát thanh tịnh, uẩn, xứ, giới và Ba-la-mật-đa, các tướng viên mãn thắng hạnh tối thượng ấy đều biết đúng như thật mà phát sanh ra hiện tiền bình đẳng. Xa lìa các chấp thủ an lạc tự tâm. Như thế là lược nói về ba giải thoát môn.

Nói về thần thông tức là Sáu thông: từ Thiên nhãn thông đến Lưu tận thông. Trong đó, thiên nhãn thông có nghĩa là đối với các sắc tướng quán xét đích thực không ngăn ngại, tối thắng thanh tịnh. Thiên nhĩ thông là đối với các âm thanh có thể nghe một cách thanh tịnh. Tha tâm thông là biết đúng như thật các hành tướng của tâm người khác. Túc trụ thông là có thể nhớ biết các sự việc sai biệt trong quá khứ của mình và của người. Thần cảnh thông lại có ba loại: Ẩn hiện tự tại, hiện ra muôn thân trong khắp thế giới, ở trong không trung đi đứng một cách vô ngại, tùy theo sự giáo hóa mà hiện ra cái thân thích ứng. Nhưng đối với sự thích ứng ấy, không hiện cái thân tướng để làm các việc thần thông.

Lưu tận thông là đối với các vô minh phiền não... gọi là lậu. Dùng trí tuệ mà đoạn trừ không còn sót gọi là lậu tận. Sáu thông tối thắng như thế... an trụ vào tâm Bồ-đề xa lìa trí hý luận, là cái lối tu cao thượng mà Bồ-tát tu, không chung với tất cả các đạo của Thanh-văn, vì Bồ-tát viên mãn vô tướng, không phát khởi tánh (chấp) ngộ, là các đạo hạnh bình đẳng Ba-la-mật-đa tổng nhiếp hết thấy các pháp tự tu, tất cả các nguyện lực và hết thấy các tướng. Đồng mãnh tinh tấn mà làm người dẫn trước an trụ tâm thanh tịnh tối thượng vào nhưt cảnh tánh. Các tính lực... như danh như nghĩa tùy ứng mà có sai biệt vô biên hành tướng đều tổng lược thu nhiếp vì sự gìn giữ của Tam-ma-đà-da. Như thế gọi là Sáu

thông.

Nói về Đà-la-ni tức là hết thấy tướng và hết thấy pháp. Tánh của tất cả pháp nhiếp ứng hết thấy thanh, danh, cú, văn là các nghĩa tướng, là nơi có vô lượng niệm, vô biên biện tài và các Tam-ma-địa. Trí vô tướng này có thể chứng nhập được để đối trị tâm hữu tướng hữu ngại, đây chính là pháp môn Đà-la-ni đạt được quả Bồ-đề vô thượng tối thắng. Nhưng tất cả thiền định Đà-la-ni... cùng với Kim cang dụ định hiện tiền được chứng nhập, chính là hết thấy các pháp khắp nơi dụ định hiện tiền bình đẳng, thể nhập, trí vô tướng chứng ngộ chân thật. Tất cả các chủng tử được huân tập đều bỏ hết. Tương ứng với trí quán đại bi bình đẳng. Sự tạo tác kiên cố đối với các pháp tánh như thật mà giải thoát, hiện tiền an trụ bình đẳng vào quả báo thù thắng. Đại viên cảnh trí như thật mà phát sanh, hết thấy các nguyện lực đều được viên mãn. Như thế là đã lược nói về Đà-la-ni.

Nói về Lực có nghĩa là mười lực của Phật. Từ Xứ phi xứ trí lực cho đến Lưu tận trí lực. Trong đó Xứ phi xứ trí lực có nghĩa là trí tuệ biết một cách như thật tất cả lãnh vực nhân quả quyết định hoặc không quyết định, nếu Phật hoặc Phạm vương hay Chuyển luân Thánh vương, mà các vị ấy đạt được các quả báo thù thắng quyết định thì gọi đó là xứ. Phi xứ kia có nghĩa biết được các hành tướng nhân quả không quyết định. Nghiệp báo trí lực là nơi tất cả các chúng sanh gây tạo các thiện nghiệp hay ác nghiệp, được sanh về cõi lành hay cõi ác, tất cả các nghiệp báo như thế, trí lực đều biết đúng như thật. Chủng chủng giới trí lực là các cảnh giới của chúng sanh có sai biệt, thì trí tuệ biết đúng như thật. Chủng chủng thắng giải trí lực có nghĩa là các hạng Thanh-văn ở trong các pháp phát khởi sự giải thoát thù thắng, lia các pháp nhiếp, hướng đến tướng tịch tĩnh, hết thấy như thế, trí tuệ đều biết một cách đúng như thật. Liễu biệt chư căn trí lực có nghĩa là các căn tín v.v... của tất cả chúng sanh mỗi thứ đều sai biệt mà trí tuệ biết được một cách như thật. Chủng chủng định trí lực là các tĩnh tự... các Tam-ma-địa và Tam-ma-bát-đề, như danh như nghĩa, vô biên hành tướng thì trí tuệ đều biết đúng như thật. Chí xứ đạo trí lực nghĩa là Đạo có hai thứ: Phi ái lạc đạo tức chỉ cho vô minh... và Khả ái lạc đạo tức chỉ cho Tịch diệt v.v... mà tịch diệt kia với sự chứng đắc sai biệt của các Thanh-văn, Duyên giác và các Bồ-tát, trí tuệ đều biết như thật. Sanh diệt trí lực là đủ loại sanh diệt của chúng sanh mà trí tuệ đều biết đúng như thật. Túc trụ tướng niệm trí lực là đối với các việc ở quá khứ, ghi nhớ một cách như thật. Lưu tận trí lực là Đại viên cảnh trí của Phật, Thế tôn, tự tánh mà quán

sát, lia các chương ngại nhiễm ô, phân biệt bình đẳng. Các lực của xứ, phi xứ như thế là sự chứng đắc du hý thần thông của Như lai, lực ấy đầy đủ nên quán tăng thượng ở hết thấy các pháp, như thế là đã lược nói về Thập lực.

Nói về Vô úy (không sợ hãi)? Tức là bốn sở úy, Nhứt thiết trí vô úy, Lậu tận vô úy, thuyết chương đạo vô úy; Xuất khổ đạo vô úy. Các vô úy như thế hoặc khác hoặc chẳng khác, có sự ngôn thuyết thì đều không có gì đạt được sự tự tại vô úy. Bốn vô úy này đều lấy trí tánh bình đẳng mà quán sát. Như châu Như ý thuận theo chúng sanh mà phổ biến bình đẳng. Pháp đây cũng vậy tướng ngã thanh tịnh xa lia các chấp về hữu, như thế là lược nói về Bốn vô sở úy.

Nói về Vô ngại giải : là Nghĩa, Pháp, Nhạo thuyết, Biện tài v.v... Trong đó, Nghĩa vô ngại giải là đối với tất cả chúng sanh không có tướng ngã, lấy trí vi diệu bình đẳng mà quán chiếu. Pháp vô ngại giải là nương theo các tướng biết rõ các pháp mà trí quán bình đẳng. Nhạo thuyết vô ngại giải là tùy theo nghĩa ưa nói, chủ động nói, nói ra mà chẳng lia tự tánh. Biện tài vô ngại giải là ở trong vô biên pháp môn tùy thích ứng phân biệt để thông đạt vô tướng. Những điều kể trên cùng với hết thấy pháp tăng thượng tương ưng đều vì nhiếp phục những kẻ ngu si khiến thấy điều phục và an trụ các pháp bình đẳng lia tướng. Bốn thứ vô ngại này đều lấy trí vi diệu mà quán sát. Như thế là đã lược nói về bốn vô ngại giải (bốn thứ giảng nói giải thích tu đạo).

Nói đến đại từ đại bi: Trong đó Từ có nghĩa là ban niềm an lạc cho chúng sanh, trụ vào tịch tĩnh, tâm không phát khởi tướng ngộ mà quảng đại tối thắng lia tướng, bình đẳng. Bi có nghĩa là nhổ tận gốc khổ đau, điều phục những thứ khó điều phục, không bỏ chúng sanh và lia các tướng hữu. Hai điều ấy đều dùng Thành sở tác trí mà quán, như thế là lược nói về đại từ đại bi.

Nói về các pháp bất cộng (không chung) của Phật: Tức là mười tám bất cộng pháp, từ Như lai thân vô thất cho đến hiện tại tri kiến vô trước vô ngại. Trong đó, bất cộng pháp thứ nhứt là Thân Như Lai không lỗi lầm, nghĩa là không có sự mệt mỏi xa lia các lỗi nơi thân... Như Lai ngữ vô thất là đều ái ngữ, xa lia các lỗi lời nói... Như Lai ý vô thất, tức là không bao giờ bị thất niệm, lia được các lỗi của ý. Ba nghiệp như thế khiến cho tất cả kẻ ngu si sanh lòng tin thanh tịnh. Vô dị tướng tâm là đối với tất cả chúng sanh, thì trụ vào tâm bình đẳng... Vô bất định tâm có nghĩa là khiến cho những chúng sanh ngu si trừ diệt được tâm tán loạn. Vô bất tri xả tâm là các sự việc của chúng sanh không có gì mà

không biết, nhưng rồi xả ly hết thấy. Sáu pháp này được phát sanh ra từ giới học tăng thượng mà làm nhân cho Vô trụ Niết-bàn. Tín vô giảm có nghĩa là ở trong vô trụ Niết-bàn không hoại niềm tin. Dục vô giảm là đối với Vô trụ Niết-bàn chẳng tham ái chấp trước. Tinh tấn vô giảm có nghĩa là đối với sự lợi ích, mạng sống và hạnh đều không chấp trụ. Tuệ vô giảm là rốt ráo đối với các thế gian, trường dưỡng chúng sanh không ai mà không thông đạt. Giải thoát vô giảm có nghĩa là không chấp vào tướng Niết-bàn của Thanh-văn... Giải thoát tri kiến vô giảm là vì lợi ích chúng sanh mà dùng trí tuệ phá các tướng hý luận khiến cho các chúng sanh mỗi người chứng đắc được Niết-bàn vô thượng bình đẳng. Sáu pháp này là được phát sinh từ định học tăng thượng và làm duyên với Vô trụ Niết-bàn. Thân nghiệp tùy trí tuệ hành có nghĩa là ở nơi hết thấy xử hoặc động, hoặc dừng, hoặc kinh hành... các tướng thường cùng với trí tuệ tương ứng, vì vậy, trí tuệ mang tính dẫn đầu trong mọi pháp. Ngữ nghiệp tùy trí tuệ hành là tất cả các lời nói xa lìa hư vọng, phân biệt, thường tương ứng với trí tuệ, do thế biết rằng trí tuệ mang tính dẫn đầu. Ý nghiệp tùy trí tuệ hành có nghĩa là đối với tất cả chúng sanh mà an trụ vào tâm bình đẳng, tùy sự lợi ích không có sai biệt, thường tương ứng với trí tuệ, do đó nói trí tuệ dẫn đầu các pháp vậy. Quá khứ tri kiến vô trước vô ngại có nghĩa là trong không có tánh gọi là vô trước, ngoài lìa các trói buộc gọi là vô ngại, tất cả pháp quá khứ đều biết một cách bình đẳng, phá tướng hý luận. Vị lai tri kiến vô trước vô ngại là trong tất cả các pháp ở vị lai, biết một cách bình đẳng phá tướng hý luận. Hiện tại tri kiến vô trước vô ngại là trong tất cả các pháp ở trong hiện tại, đều biết bình đẳng phá tướng hý luận. Sáu pháp này được phát sanh ra từ tuệ học tăng thượng. Tất cả các pháp này chỉ có Phật, Như lai thành tựu vô lượng thắng trí viên mãn. Đem lại lợi ích chúng sanh, tùy cúng sanh mà chuyển; hết thấy hàng Thanh văn không có các pháp bất cộng vậy. Nó được sanh ra từ trí tuệ thanh tịnh của pháp giới. Như thế là đã lược nói về mười tám pháp bất cộng.

Nói về quả Thanh văn tức chỉ cho bốn quả Thanh văn, là từ Tu-đà-hoàn đến A-la-hán. Trong đó, quả Tu-đà-hoàn chán khổ ưa vui, tùy vào sức tu mà đoạn trừ phiền não, vốn có trải qua bảy lần sanh tử thông suốt các đế khổ... ngộ nhân vô ngã hưởng đến Niết-bàn.

Tứ-đà-hàm cũng chán khổ ưa vui, tùy theo pháp tu mà đoạn trừ phiền não vốn có một lần sanh lại cõi này thấy các đế khổ..., ngộ nhân vô ngã, hưởng đến Niết-bàn. A-na-hàm nghĩa là ghét khổ ưa vui, không còn phiền não cõi Dục có thể đoạn, không trở lại cõi Dục mà sanh nơi

cõi Sắc và Vô sắc, tùy thích ứng giải thoát thấy rõ các đế khổ... ngộ nhân vô ngã, hướng đến Niết-bàn. A-la-hán có nghĩa là đoạn hết phiền não vốn có trong ba cõi, thấu triệt cội nguồn khổ đau, giác ngộ lý vô ngã tùy theo thích ứng giải thoát hướng đến Niết-bàn. Như thế là lược nói về bốn quả Thanh-văn.

Nói về liễu tri tất cả tướng, nghĩa là chư Phật Như lai đối với các tướng và các pháp hiểu biết như thật hiện tiền bình đẳng. Tất cả tướng chính là tất cả pháp. Chư Phật Như lai vì lợi ích thế gian bày ra các phương tiện thích ứng tùy theo căn cơ chúng sanh, mà không quên mất pháp, trụ nơi tướng kiên cố.

Trong đây nên biết, tam thân cũng gọi là như thật tướng, pháp thân là tự tánh, là trí tướng vô ngã, không sai biệt. Tướng tối thắng của Báo thân chính là tánh chỗ dựa của tất cả tướng. Hóa thân là nơi tạo tác các sự tướng, nơi hết thấy xứ tùy ứng mà hiện hóa thực hành công hạnh vậy. Lại nữa, đối với tất cả tướng, tuy đã liễu tri nhưng không có phân biệt, vì lợi ích chúng sanh thuận theo thích nghi mà tạo tác. Các tướng ấy tịch tĩnh không duyên với tự tánh, hết thấy đều bình đẳng. Uẩn... cùng với tất cả tướng cũng lại vô biên, hoặc trụ trong tam giới hay xuất ly ra khỏi tam giới, nên biết như thật các tướng chẳng thể được. Như thế là liễu tri như thật tướng.

Nói về chân như tức là tự tánh các pháp lìa thủ, xả, hoặc kể trí hay người ngu, hoặc là sắc hay là tâm đều trụ tánh bình đẳng lìa vọng không phân biệt. Đây gọi là chân như.

Nói về thật tế tức là tánh Bồ-đề hết thấy như lược, như thật lìa các phân biệt, trong đây nên biết, như điều Phật nói về tánh ngũ uẩn... rốt ráo không nắm bắt được. Lại đối với suy xét khác thì không thể nói được; như thế gọi là thật tế.

Nói về vô tướng tức là chân như kia mà gọi là vô tướng. Mà chân như có nghĩa là chỉ lấy danh tự hư giả phân biệt, trong danh tự ấy, thể tánh chẳng thể được, nên biết thể tánh của ngã... tức là tự tánh của các pháp. Cho nên trong đó hoặc là nhân hoặc là pháp, đều lìa các tướng nhưng đồng một tướng. Một tướng ấy là hết thấy các pháp không có tướng đối ngại lìa các phân biệt, đối với đệ nhất nghĩa, tự tánh của nó vốn không động, nên gọi là vô tướng.

Nói về pháp giới tức chỉ chỉ các pháp nhân, quả trong mười phương. Cho đến tự tánh chỗ dựa của tất cả pháp. Đây gọi là pháp giới. Trong pháp giới này xa lìa hết thấy tướng hư vọng điên đảo phân biệt... hiện tiền trí tuệ sáng suốt như thật chiếu sáng, gọi là pháp giới. Lại nữa, nên



biết, trong đây, chân như... đại viên cảnh trí... tức là tất cả pháp không có sự tạo tác. Chân như không sự tạo tác ấy chính là tự tướng của các pháp.

Lại nữa nên biết, trong đó chân như và thập lực ấy đều lấy Đại viên cảnh trí mà quán chiếu. Thật tế sở chứng cùng với bốn vô sở úy đều dùng Bình đẳng tánh trí mà quán. Còn vô tướng vi diệu thanh tịnh và bốn vô ngại giải tánh kia lấy Diệu quan sát trí mà quán. Tánh chỗ dựa, sở chứng chân thực của tất cả pháp trong pháp giới với đại từ đại bi đều lấy Thành sở tác trí mà quán. Pháp sở quán tăng thượng nhất thiết xứ đều an trụ vào trí thanh tịnh của pháp giới. Hết thấy các pháp như vậy nên biết đều là như lượng chánh ngữ cùng tâm Bồ-đề tương ứng. Lòng đại từ tùy thuận theo hết thấy chúng sanh là hết thấy pháp bình đẳng đồng một sở duyên. Tương ứng với pháp môn vô tướng tối thượng. Tổng nhiếp pháp Ba-la-mật-đa... và hết thấy các pháp, tùy theo sự hành trì ấy như lượng mà tương ứng.. sự tương ứng này gọi là hết thấy pháp vô ngã. Kể trí nên biết, pháp mà Phật nói từ môn giải thoát như thật mà lưu xuất.

*Trí tuệ chư Phật không ai bằng  
Đã thuyết tánh nhân cũng vô biên  
Ở vô biên ấy như thật biết  
Hết thấy tương ứng mà biểu thị  
Các pháp tương ứng bày các tánh  
Tùy nghi phương tiện mà khởi sanh  
Đại tuệ vốn làm đều trọn thành  
Ta vì lợi lạc nên mới nói.*

